

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/DS-PT

Ngày: 07 – 01 - 2026

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tử Lượng

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Thành Công và ông Trần Công Đoàn

- Thư ký phiên tòa: ông Trịnh Văn Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình: bà Đặng Thị Phương Nhung - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 45/2025/TLPT-DS ngày 01 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2025/DS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Ninh Bình bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 114/2025/QĐ-PT ngày 28 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Trịnh Thị T sinh năm 1988; địa chỉ: tổ dân phố H, xã G, tỉnh Ninh Bình.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: ông Trình Kiên C – Luật sư công ty L2, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H; địa chỉ: A đường N, phường H, Thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: chị Vũ Thị H sinh năm 1978; địa chỉ: tổ dân phố S, xã G, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: bà Vũ Thị L sinh năm 1955; địa chỉ: số D đường T, tổ dân phố Đ, xã G, tỉnh Ninh Bình là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 04/12/2025).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Bình M sinh năm 1986; địa chỉ: tổ dân phố H, xã G, tỉnh Ninh Bình.

- Chị Nguyễn Thị N sinh năm 1983; địa chỉ: tổ dân phố Đ, xã G, tỉnh Ninh Bình.

4. Người kháng cáo: chị Trịnh Thị T là nguyên đơn.

5. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Ninh Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/3/2025 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Trịnh Thị T trình bày:

Chị T và chị Vũ Thị H là hàng xóm và có mối quan hệ thân thiết. Từ tháng 8/2023 đến tháng 01/2024, chị T đã nhiều lần cho chị H vay tiền, tổng số tiền của các lần cho vay là 4.360.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận mức lãi suất 20%/năm. Việc chị T cho chị H vay tiền thông qua hình thức chuyển vào tài khoản ngân hàng của chị H (số tài khoản: 107875549117, tên người thụ hưởng Vũ Thị H) hoặc chuyển vào tài khoản ngân hàng của chị Nguyễn Thị N (số tài khoản: 3204523102017, tên người thụ hưởng Nguyễn Thị N) theo đề nghị của chị H. Tính đến ngày 30/01/2024, tổng số tiền cả nợ gốc và lãi chị H đã trả cho chị T là 3.186.300.000 đồng; trong đó tiền nợ gốc là 2.860.000.000 đồng và tiền lãi 326.300.000 đồng. Sau khi vay, chị H trả các khoản vay rất nhanh chóng, thường từ vài ngày đến một tuần và không phải thúc giục, nhắc nhở. Quá trình thanh toán khoản vay, có lần chị H thanh toán toàn bộ khoản vay, nhưng cũng có lần chị H chỉ trả một phần gốc và lãi.

Ngày 30/01/2024, chị H nhắn tin qua zalo chốt lại số tiền chị H còn nợ chị T là 1.500.000.000 đồng và hẹn Thứ 6 (tức ngày 02/02/2024) sẽ trả. Chị T cũng thống nhất với nội dung tin nhắn của chị H chốt còn nợ là 1.500.000.000 đồng và đồng ý thời hạn thanh toán do chị H đề xuất. Đến Thứ 6 ngày 02/02/2024, chị H không thanh toán nợ như đã thỏa thuận. Nhận thấy chị H có dấu hiệu trì hoãn trả nợ, chị T đã gửi tin nhắn, gọi điện và gặp trực tiếp để yêu cầu thanh toán, nhưng chị H luôn viện lý do là đã mang số tiền vay của chị cho người khác vay lại nhưng người đó đã bỏ trốn và hiện tại đang rất khó khăn về tài chính. Ngày 19/02/2024 vợ chồng chị T sang nhà chị H trực tiếp nói chuyện, trong cuộc gặp mặt chị H thừa nhận còn nợ chị T 1.500.000.000 đồng, nhưng vì lý do chưa thu hồi được

khoản tiền đã cho vay lại nên chị H không có tiền trả nợ. Kể từ đó đến nay, chị T đã nhiều lần liên hệ và yêu cầu thanh toán số tiền nợ còn lại nhưng chị H luôn tìm cách trì hoãn, không có thiện chí trả nợ.

Chị T khởi kiện yêu cầu chị Vũ Thị H phải thanh toán cho chị toàn bộ số tiền nợ gốc là 1.500.000.000 đồng và số tiền lãi trên nợ gốc trong hạn tính từ ngày 31/01/2024 đến ngày 02/02/2024 là 1.643.836 đồng (20%/năm); tiền lãi trên nợ gốc quá hạn tính từ ngày 03/02/2024 đến ngày 21/8/2025 là 696.575.342 đồng (30%/năm). Tổng cộng gốc và lãi là **2.198.219.178 đồng**.

Tại bản tự khai ngày 08/5/2025, Biên bản tiếp cận công khai chứng cứ và Biên bản hòa giải ngày 13/5/2025, bị đơn chị Vũ Thị H trình bày:

Chị H và chị T có quan hệ là hàng xóm. Chị H đã đặt vấn đề vay chị T 1.500.000.000 đồng, mục đích để cho người khác vay đảo nợ ngân hàng. Việc chị H vay chị T 1.500.000.000 đồng là có thật nhưng do chị H chưa lấy được nợ nên chưa trả được tiền cho chị T. Nay chị T yêu cầu trả 1.500.000.000 đồng, chị H đồng ý nhưng xin tiền lãi. Việc vay nợ giữa chị H và chị T không có liên quan gì đến anh L1 là chồng chị H.

Tại bản tự khai ngày 16/6/2025, Biên bản lấy lời khai ngày 23/6/2025 và quá trình tham gia tố tụng sau đó chị H trình bày: từ tháng 7 năm 2023 chị H có vay tiền của chị T thông qua hình thức chuyển khoản, việc giao dịch đã chuyển đi chuyển lại rất nhiều lần giữa hai bên. Lãi suất của các lần vay, hai bên thỏa thuận 1.500đồng/1triệu/ngày.

Ngày 08/5/2025 chị H viết bản tự khai trình bày với Tòa án tổng số tiền còn nợ chị T 1.500.000.000 đồng trong lúc tâm trạng không được tốt, vì chưa kiểm tra tin nhắn nên tại phiên hòa giải ngày 13/5/2025 chị H đã nhận nợ chị T 1.500.000.000 đồng. Sau khi cộng lại số tiền đã chuyển đi và đối trừ, chị H đã trả cho chị T số tiền lãi là 326.300.000 đồng và ngày 11/01/2025 trả 5.000.000 đồng, chỉ còn nợ chị T 800.000.000 đồng (tiền gốc). Còn số tiền 700.000.000 đồng chị T đã chuyển trực tiếp cho chị Nguyễn Thị N sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn N là xã G, chị N có trách nhiệm trả cho chị T, chị H không có liên quan đến số tiền này. Nay chị T yêu cầu chị trả khoản nợ 1.500.000.000 đồng chị không đồng ý, chị chỉ nhận trách nhiệm trả nợ chị T tiền nợ gốc 800.000.000 đồng còn lãi chị xin vì chị không có khả năng thanh toán.

Trong quá trình tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Bình M trình bày: anh chỉ biết việc vay nợ giữa chị T và chị H qua các lần nói chuyện với nhau còn cụ thể như thế nào thì anh

không nắm được, chỉ biết mỗi lần chị T là vợ anh đi vay nợ của người khác cho chị H. Nay anh yêu cầu Tòa án buộc chị H phải trả cho vợ chồng anh số tiền nợ gốc và lãi như chị T trình bày.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị N: Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng chị N đều vắng mặt không có lý do.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2025/DS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2025 Tòa án nhân dân khu vực 10 quyết định:

1. Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị T.

Buộc chị Vũ Thị H phải trả vợ chồng chị Trịnh Thị T, anh Nguyễn Bình M số tiền gốc đã vay là 800.000.000 đồng và lãi là 371.945.205 đồng. Tổng là 1.171.945.205 đồng (tính tròn số: một tỷ một trăm bảy mươi một triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Trịnh Thị T phải chịu 42.780.000 đồng tiền án phí, được khấu trừ 28.500.000 đồng theo biên lai số 0002366 ngày 25/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định. Chị T phải nộp 14.280.000 đồng tiền án phí (mười bốn triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng).

- Chị Vũ Thị H phải chịu 47.158.000 đồng tiền án phí (bốn mươi bảy triệu một trăm năm mươi tám nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo; quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/8/2025, chị Trịnh Thị T nộp đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 04/2025/DS-ST ngày 21/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10. Lý do: bản án sơ thẩm tuyên không phù hợp với sự thật khách quan của vụ án dẫn đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự không được bảo đảm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKS-DS ngày 03 tháng 9 năm 2025 Viện trưởng Viện kiểm sát khu vực 10 – Ninh Bình quyết định: kháng nghị một phần Bản án sơ thẩm số 04/2025/DS-ST ngày 21/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Ninh Bình. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Chị Trịnh Thị T đề nghị Tòa án buộc chị Vũ Thị H phải thanh toán cho vợ chồng chị toàn bộ số tiền nợ gốc là 1.500.000.000 đồng. Riêng về lãi suất, chị T không yêu cầu chị H phải trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn, chỉ yêu cầu chị H phải thanh toán tiền lãi trên nợ gốc trong hạn tính từ ngày 31/01/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm 21/8/2025 với mức lãi suất 20%/năm thành tiền là 467.671.232 đồng, trừ đi 5.000.000 đồng tiền lãi chị H đã chuyển khoản cho chị T ngày 11/01/2025, chị H còn phải trả tiền lãi là 462.671.232 đồng. Tổng cộng gốc và lãi chị H phải trả cho vợ chồng chị T, anh M là 1.962.671.232 đồng.

- Chị Vũ Thị H thừa nhận kể từ ngày 30/01/2024 đến nay chị H còn nợ vợ chồng chị T 1.500.000.000 đồng tiền nợ gốc (số tiền gốc, lãi đã thanh toán trước khi chốt nợ gốc chị H không nhớ). Về phần lãi khi vay tiền chị T và chị H thỏa thuận 1.500đồng/1triệu/ngày nhưng khi chốt nợ hai bên không thỏa thuận về lãi suất. Do đó chị H chỉ chấp nhận trả cho vợ chồng chị T 1.500.000.000 đồng nợ gốc và xin khoản tiền lãi. Ngoài ra, chị H còn trình bày chị bị nhiễm chất độc hóa học và đang được hưởng trợ cấp hàng tháng nên xin được miễn án phí. Chị H giao nộp Quyết định số 67/2001/QĐ-LĐTBXH ngày 29/6/2001 của Sở Lao động Thương binh Xã hội tỉnh N về việc thực hiện chế độ đối với người tham gia kháng chiến và con đẻ của họ bị nhiễm chất độc hóa học trong chiến tranh (chị H được hưởng trợ cấp từ tháng 7/2001).

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng nghị số 01/QĐ-VKS-DS ngày 03/9/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Ninh Bình và kháng cáo của chị Trịnh Thị T.

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sửa Bản án sơ thẩm số 04/2025/DS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2025 Tòa án nhân dân khu vực 10 theo hướng: buộc chị Vũ Thị H phải trả cho vợ chồng chị T số tiền nợ gốc là 1.500.000.000 đồng. Về lãi suất, chị H phải trả tiền lãi trên nợ gốc trong hạn với mức lãi suất 10%/năm, được trừ đi 5.000.000 đồng tiền lãi chị H đã thanh toán. Về án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng

Chị Trịnh Thị T đã thực hiện quyền, nghĩa vụ của người kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Ninh Bình ban hành quyết định kháng nghị đúng thẩm quyền và trong hạn luật định. Do đó, vụ án được xét xử lại theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị N vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt đương sự có tên nêu trên.

[2] Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn chị Vũ Thị H đã thừa nhận kể từ ngày 30/01/2024 chị H còn nợ vợ chồng chị T 1.500.000.000 đồng tiền gốc.

Sự thừa nhận nêu trên của chị H phù hợp với chứng cứ do chị T giao nộp là: Vi bằng lập ngày 21/7/2025 có nội dung tin nhắn zalo của chị Vũ Thị H nhắn cho chị T: “ngày 21/12 âm vay Thúy 1 tỷ 500 tr. Tôi tt từng món để dễ theo dõi”; “3 món 700+670+350=1720 hôm nay tôi trả 220tr, còn nợ lại 1.500 Thứ 6 trả nhé” và phù hợp với bản tự khai ngày 08/5/2025 của chị H, Biên bản tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 13/5/2025. Như vậy, có căn cứ xác định kể từ ngày 30/01/2024 đến nay chị Vũ Thị H còn nợ vợ chồng chị T 1.500.000.000 đồng nợ gốc.

Từ các tài liệu, chứng cứ và các tình tiết mới phát sinh tại phiên tòa phúc thẩm, đủ căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn chị Trịnh Thị T và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10, sửa bản án sơ thẩm như sau:

Về số tiền nợ gốc: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị T, buộc chị Vũ Thị H phải trả cho vợ chồng chị Trịnh Thị T, anh Nguyễn Bình M các khoản tiền đã vay tính tại thời điểm chốt nợ ngày 30/01/2024 với số tiền nợ gốc là 1.500.000.000 đồng.

Về lãi suất: chị T khai lãi suất cho vay là 20%/năm nhưng chị H lại xác định lãi suất các lần chị T cho chị H vay là 1.500đồng/1triệu/1ngày. Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không thống nhất được mức lãi suất đã thỏa thuận khi cho vay là bao nhiêu %. Do đó, xác định khi vay tiền các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất, có tranh chấp về lãi suất. Vì vậy, áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất. Trong trường hợp này lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự. (Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả = (nợ gốc chưa trả) x (lãi suất theo thỏa thuận hoặc 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ) x (thời gian vay chưa trả lãi trên nợ gốc).

Theo hướng dẫn tại khoản 1, 2 Điều 6 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì “*thời điểm trả nợ*” là “*thời điểm xét xử sơ thẩm*” và thời điểm xét xử sơ thẩm trong vụ án này được tính là ngày 21/8/2025.

Do đó, chị H phải trả cho chị T tiền lãi trên số tiền nợ gốc, cụ thể như sau: $1.500.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/365 \times 569 \text{ ngày} (31/01/2024 - 21/8/2025) = 233.835.616 \text{ đồng}$. Tổng số tiền lãi chị H phải thanh toán cho chị T là 233.835.616 đồng, được trừ đi 5.000.000 đồng tiền lãi ngày 11/01/2025 chị H đã chuyển khoản cho chị T, chị H còn phải thanh toán tổng tiền lãi là 228.835.616 đồng.

Tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm, chị H phải thanh toán cho vợ chồng chị T, anh M tổng số tiền nợ gốc và lãi là 1.728.835.616 đồng (làm tròn số 1.728.835.000 đồng).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị T đối với một phần tiền lãi là 233.835.616 đồng (yêu cầu khởi kiện 462.671.232 đồng – Tòa án chấp nhận 228.835.616 đồng = không được chấp nhận 233.835.616 đồng).

[2.2] Về án phí sơ thẩm: căn cứ quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chị Trịnh Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền yêu cầu không được chấp nhận: $233.835.616 \text{ đồng} \times 5\% = 11.691.780 \text{ đồng}$ (làm tròn số 11.691.000 đồng); được đối trừ vào 28.500.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm chị T đã nộp; hoàn trả lại chị T 16.809.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm.

Chị Vũ Thị H thuộc đối tượng bị nhiễm chất độc hóa học và đang được hưởng trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 67/2001/QĐ-LĐTBXH ngày 29/6/2001 của Sở Lao động Thương binh Xã hội tỉnh N về việc thực hiện chế độ đối với người tham gia kháng chiến và con đẻ của họ bị nhiễm chất độc hóa học trong chiến tranh; do đó được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm nên chị Trịnh Thị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho chị T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 12, Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2025/DS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Ninh Bình như sau:

1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, giữa chị Trịnh Thị T và chị Vũ Thị H.

- Buộc chị Vũ Thị H phải trả cho vợ chồng chị Trịnh Thị T, anh Nguyễn Bình M tiền nợ gốc và lãi với tổng số tiền là 1.728.835.000 đồng (*một tỷ bảy trăm hai mươi tám triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn đồng*), trong đó: nợ gốc là 1.500.000.000 đồng; lãi trên nợ gốc trong hạn 228.835.000 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị T đối với một phần tiền lãi là 233.835.616 đồng (*hai trăm ba mươi ba triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm mười sáu đồng*).

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

1.2. Về án phí sơ thẩm:

- Chị Trịnh Thị T phải chịu 11.691.000 đồng (*mười một triệu sáu trăm chín mươi một nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm; được khấu trừ vào số tiền 28.500.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm chị T đã nộp; hoàn trả lại cho chị T 16.809.000 đồng (*mười sáu triệu tám trăm linh chín nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm, theo biên lai số 0002366 ngày 25/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định. Chị Trịnh Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm cho chị Vũ Thị H.

2. Về án phí phúc thẩm: chị Trịnh Thị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho chị T 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp, theo biên lai số 0000797 ngày 04 tháng 9 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (07/01/2026).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- TAND tối cao;
- TAND khu vực 10;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- Phòng TT-KTNV-THA;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tử Lượng

